



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN PHÁP CHẾ & QUAN HỆ CÔNG CHÚNG















Địa chỉ: Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: 04. 2221 0288 - Fax: 04. 2221 0388 - Website: www.pvpower.vn

BẢN TIN PHÁP CHẾ

THÁNG 08 NĂM 2017



Biên soạn : Lê Thị Yên
Kiểm duyệt : Nguyễn Ngọc Hà
Võ Thị Tú Oanh
Email : lethiyen@pvpower.vn
Điện thoại : 04 2221 0288 (máy lẻ: 6626)

Mục lục	Trang
I. Quy định mới	3
 Quy định mới ban hành trong tháng 08 năm 2017	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	4
 Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động Thương mại.  Nghị định 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.  Nghị quyết 75/NQ-CP về giảm chi phí cho Doanh nghiệp.  Thông tư 79/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung tiết B1 điểm B khoản 4 Điều 48 Thông tư 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.  Thông tư 80/2017/TT-BTC Hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.  Quyết định 1593/QĐ-BTC về thí điểm khai số vận đơn trên tờ khai Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tự động.  Thông tư 13/2017/TT-BCT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện; Thông tư 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá điện.  Thông tư 15/2017/TT-BCT quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.  Thông tư 20/2017/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.  Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho Người lao động nước ngoài làm việc Tại Việt Nam qua mạng điện tử.  Thông tư 08/2017/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát Ngân hàng.	
III. Điểm tin văn bản nội bộ	9
 Nghị quyết số 114/NQ-ĐLĐK-HĐTV về việc Thông qua chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.  Quyết định 913/QĐ-ĐLĐK-HĐTV về việc phê duyệt và ban hành Quy chế khoa học và công nghệ của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.	
IV. Ấn lệ số 02/2016/AL về Tranh chấp tài sản	12

QUY ĐỊNH MỚI

<p>1. Quản lý hành chính Nhà nước</p>	<p>5. Lao động</p>
<p>Nghị định 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.</p>	<p>Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho Người lao động nước ngoài làm việc Tại Việt Nam qua mạng điện tử.</p>
<p>2. Doanh nghiệp - Thương mại</p>	<p>6. Đất đai</p>
<p>- Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động Thương mại .</p> <p>- Thông tư 13/2017/TT-BCT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện; Thông tư 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá điện.</p> <p>- Thông tư 15/2017/TT-BCT quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.</p>	<p>Thông tư 80/2017/TT-BTC Hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.</p>
<p>3. Thuế - phí – Lệ phí</p>	<p>7. Tài nguyên môi trường</p>
<p>- Nghị quyết 75/NQ-CP về giảm chi phí cho DN.</p> <p>- Thông tư 79/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung tiết B1 điểm B khoản 4 Điều 48 Thông tư 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.</p>	<p>- Thông tư 20/2017/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.</p>
<p>4. Xuất nhập khẩu</p>	<p>8. Tài chính – Ngân hàng</p>
<p>Quyết định 1593/QĐ-BTC về thí điểm khai số vận đơn trên tờ khai Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tự động.</p>	<p>Thông tư 08/2017/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát Ngân hàng.</p>

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Nghị định quy định về Hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước

Ngày 10/08/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại.



Theo đó công bố danh mục gồm 20 hàng hóa, dịch vụ mà nhà nước độc quyền trong một số hoạt động như:

- Sản xuất, mua bán, xuất/nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, vận chuyển quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp;
- Sản xuất vàng miếng;
- Xuất/nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng;
- Nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà (trừ trường hợp nhập khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế);
- Phát hành sổ số kiến thiết;
- In, đúc tiền;
- Sản xuất, xuất/nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, tàng trữ pháo hoa và các dịch vụ liên quan đến pháo hoa;
- Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội;

Xem đầy đủ Danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP.

Hiệu lực thi hành: 01/10/2017



Ngày 18/08/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Theo đó, tiêu chí xác định đối tượng vi phạm hành chính là tổ chức khi có đủ các điều kiện sau:

- Là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đồng thời, Nghị định 97/2017/NĐ-CP bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trường đoàn Thanh tra chuyên ngành như sau: Trường đoàn Thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Bên cạnh đó, Nghị định 97/2017/NĐ-CP còn ban hành 55 mẫu biên bản và mẫu quyết định được sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính thay thế các mẫu trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013.

Hiệu lực thi hành: 05/10/2017

Thông tư quy định về phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; quy định về vận hành thị trường phát điện cạnh tranh

Ngày 03/08/2017, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 13/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện; Thông tư

30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện.

Theo đó nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối với Thông tư 56/2014/TT-BCT:

- Sửa đổi, bổ sung các khái niệm về năm cơ sở; Hợp đồng nhập khẩu than; Hợp đồng vận chuyển than nhập khẩu; Hợp đồng mua bán than trong nước; Hợp đồng vận chuyển than trong nước; Ngày khởi công xây dựng công trình (sửa đổi Khoản 10, bổ sung Khoản 17, Khoản 18, Khoản 19, Khoản 20 và Khoản 21 Điều 2);

- Sửa đổi khái niệm về tổng mức đầu tư tại Điểm a Khoản 2 Điều 5;

- Sửa đổi thành phần giá biến đổi điều chỉnh theo biến động của chi phí nhiên liệu chính của nhà máy điện tại Năm cơ sở tại Khoản 1 Điều 7;

- Sửa đổi phương pháp xác định giá vận chuyển nhiên liệu chính của Nhà máy điện tại Điều 8;..

- Bổ sung Phụ lục 1a về Giá than và giá vận chuyển than cho Nhà máy điện.

2. Đối với Thông tư 57/2014/TT-BCT:

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 2 về Vốn đầu tư được quyết toán;

- Sửa đổi khoản 3 Điều 6 về phương pháp xây dựng giá cố định bình quân của Nhà máy điện chuẩn.

3. Đối với Thông tư 30/2014/TT-BCT:

- Sửa đổi khái niệm về nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu tại khoản 50 Điều 3.

- Sửa đổi nội dung về kế hoạch vận hành năm tới tại khoản 3 Điều 17.

- Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 22 về Xác định giới hạn giá chào của tổ máy nhiệt điện....

- Bổ sung Chương VIa về cơ chế tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đối với Nhà máy điện thuộc khu công nghiệp...

Xem chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 13/2017/ TT-BCT ngày 03/8/2017.

Hiệu lực thi hành: 19/9/2017

Thông tư quy định hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ngày 31/08/2017, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 15/2017/TT-BCT quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Theo đó quy định về hồ sơ Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp bao gồm:

- Dự thảo Tờ trình của Sở Công Thương đề nghị phê duyệt Quy hoạch;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch;

- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt Quy hoạch đã hoàn thiện sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan;

- Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan;

- Văn bản góp ý của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan;

- Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí;

- Các văn bản, tài liệu khác.



Hiệu lực thi hành: 16/10/2017 và thay thế các văn bản sau:

- Thông tư 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009;

- Bãi bỏ chế độ Báo cáo cụm công nghiệp tại Biểu số 05/SCT-BCT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016;



Đây là nội dung nổi bật tại Nghị quyết số 75/NQ-CP đã được Chính phủ thông qua về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7.

Theo đó, với mục tiêu cắt giảm mức phí, chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ban ngành thực hiện các nội dung sau:

- UBND cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm giảm mức thu phí gắn với hoạt động chuyên môn có liên quan trực tiếp tới chi phí Doanh nghiệp;

- Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Y tế cắt giảm thủ tục thanh tra với mục tiêu giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành giai đoạn thông quan từ 30 - 35% hiện nay xuống 15%;

- Bộ Khoa học công nghệ loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng thuộc nhóm 2 thuộc diện kiểm tra trước khi thông quan của 12 bộ chuyên ngành trước tháng 6/2018;

- Bộ Công thương có giải pháp giảm chi phí Logistic đến 2018 là 25%/GDP, đến 2020 xuống 20%/GDP;

- Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh đề án không dùng tiền mặt theo Quyết định 2545/QĐ-TTg để minh bạch hóa giao dịch thanh toán của Doanh nghiệp;

- Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội trước mắt chưa nâng mức đóng BHYT để không tăng chi phí cho doanh nghiệp.

Xem thêm chi tiết tại Nghị quyết 75/NQ-CP ngày 09/8/2017.

Quy định mới về hồ sơ xóa nợ thuế đối với doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản

Ngày 01/08/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 79/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết B1 điểm B khoản 4 Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Theo đó, hồ sơ xóa nợ tiền thuế đối với doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản theo quy định mới sẽ bao gồm:

- Văn bản đề nghị xóa nợ tiền thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp (theo mẫu số 01/XOANO ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC);

- Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp của Tòa án;

- Tài liệu phân chia tài sản của chấp hành viên thể hiện số nợ thuế thu hồi được hoặc không thu hồi được;

- Quyết định về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan thi hành án dân sự bằng đồng Việt Nam là 7,5%/năm.

Các tài liệu trên có thể là bản chính hoặc bản sao y bản chính.



Hiệu lực thi hành: 15/9/2017

Quyết định về việc thí điểm khai số vận đơn trên Tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu

Ngày 15/08/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1593/QĐ-BTC về việc thí điểm khai số vận đơn trên tờ khai Hải Quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (XNK) để thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

Theo đó, người khai hải quan thực hiện khai các tiêu chí trên tờ khai điện tử XNK theo Phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC, riêng tiêu chí số vận đơn sẽ

khai như sau:



Đối với tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu: Tiêu chí 1.26 - “Số vận đơn”: sử dụng tổ hợp “Ngày vận đơn + Số vận đơn” để khai theo nguyên tắc khai liên tiếp nhau (ngày vận đơn trước số vận đơn) và thông tin nhập không được có dấu cách hoặc ký tự đặc biệt như “#, @, /, ...”.

- Đối với tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu:

- Trước khi đưa hàng vào cảng hoặc tại thời điểm đăng ký tờ khai xuất khẩu, người khai hải quan thông qua hệ thống khai hải quan hoặc Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (tại địa chỉ pus.customs.gov.vn) để lấy số quản lý hàng hóa xuất khẩu cho lô hàng;

- Sau khi lấy được số quản lý hàng hóa xuất khẩu cho lô hàng, người khai hải quan sử dụng số quản lý hàng hóa đã được cấp để khai vào tiêu chí 2.24 - “Số vận đơn” trên tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu.

Hiệu lực thi hành: 15/8/2017

Thông tư Hướng dẫn cấp Giấy phép lao động cho Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử

Ngày 15/08/2017, Bộ Lao động – Thương Binh và xã hội đã ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động (GPLĐ) cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử. Theo đó

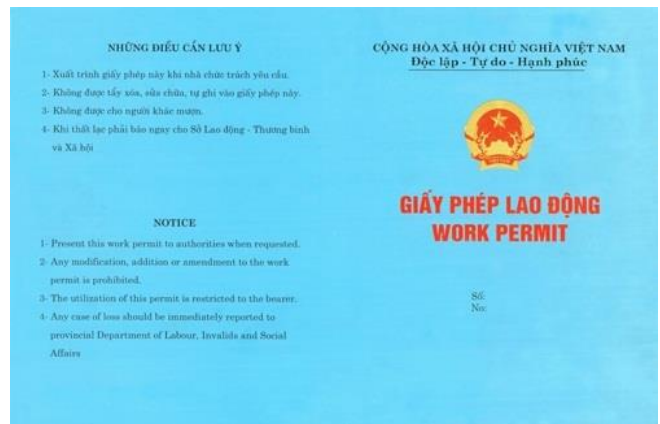
- Người sử dụng lao động (NSDLĐ) khai thông tin vào tờ khai và nộp hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ đến cơ quan cấp GPLĐ qua cổng thông tin điện tử trước ít nhất 7 ngày

làm việc kể từ ngày Người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai và hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ, cơ quan cấp GPLĐ trả lời kết quả qua thư điện tử cho NSDLĐ, nếu hồ sơ chưa phù hợp thì đề nghị bổ sung.

- Sau khi nhận được trả lời hồ sơ phù hợp, NSDLĐ nộp bản gốc hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ đến cơ quan cấp GPLĐ để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

- Cơ quan cấp GPLĐ phải trả kết quả cho NSDLĐ trong thời hạn không quá 8 giờ làm việc kể từ khi nhận được bản gốc hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ.



Hiệu lực thi hành: 02/10/2017

Thông tư hướng dẫn xác định giá trị được hoàn trả khi đất bị thu hồi

Ngày 02/08/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2017/TT-BTC hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý, sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.

Cụ thể, hướng dẫn chi tiết cách xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất trong các trường hợp:

- Xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với

đất đã tạo lập hợp pháp mà không có nguồn gốc từ Ngân sách nhà nước để hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản khi nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho người sử dụng đất khi người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất.

- Xác định tiền thuê đất đã trả trước còn lại để hoàn trả cho người sử dụng đất khi người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm.

Chi tiết cách xác định việc hoàn trả trong các trường hợp trên xem tại Điều 3, 4, 5 của Thông tư số 80/2015/TT-BTC.



Hiệu lực thi hành: 15/09/2017

Thông tư về định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường

Ngày 08/08/2017, Bộ Tài nguyên môi trường đã ban hành Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí ngoài trời, tiếng ồn và độ rung, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, khí thải, phóng xạ nước thải, trầm tích, chất thải, trạm quan trắc không khí tự động liên tục và trạm quan trắc nước mặt tự động liên tục áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động quan trắc môi trường có sử dụng Ngân sách Nhà nước.

1. Theo đó, Định mức được áp dụng khi thực hiện các công việc sau:

- Đối với hoạt động quan trắc môi trường định kỳ các thành phần môi trường: không khí ngoài trời, tiếng ồn và độ rung; nước mặt lục địa; đất, nước dưới đất; nước mưa; nước biển; nước thải, trầm tích, chất thải, khí thải, phóng xạ: bao gồm các công tác lấy mẫu, quan trắc tại hiện trường và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm;

- Đối với hoạt động quan trắc môi trường tự động liên tục bao gồm: trạm quan trắc không khí tự động cố định và di động, trạm quan trắc nước mặt tự động cố định và di động;

2. Có 3 phương pháp xác định định mức là: Phương pháp thống kê; Phương pháp phân tích; Phương pháp phân tích khảo sát.

Xem chi tiết các định mức tại Thông tư 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017.



Hiệu lực thi hành: Thông tư 20/2017/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2017 và Thay thế Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên môi trường Ban hành định mức Kinh tế - Kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp, phóng xạ.

Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

Ngày 01/8/2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 08/2017/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các rủi ro gây mất an toàn hệ thống.

1. Theo đó, để thực hiện việc giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng phải thực hiện các bước sau:

Bước 1: Thu thập, tổng hợp, xử lý và lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu;

Bước 2: Phân tích, đánh giá về đối tượng giám sát ngân hàng theo 2 hình thức bao gồm giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vĩ mô;

Bước 3: Đề xuất các hành động can thiệp, chỉnh sửa bao gồm các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;

Bước 4: Giám sát sau thanh tra khi nhận được kết luận thanh tra về đối tượng giám sát ngân hàng từ đơn vị thực hiện thanh tra ngân hàng.



2. Ngoài ra Thông tư cũng quy định nội dung giám sát ngân hàng như sau:

- Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu của đối tượng giám sát ngân hàng theo yêu cầu giám sát;

- Xem xét, theo dõi tình hình chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan; việc thực hiện kết luận thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng của đối tượng giám

sát ngân hàng;

- Phân tích, đánh giá thường xuyên tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thực hiện xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

- Phát hiện, cảnh báo các yếu tố tác động, xu hướng biến động tiêu cực, rủi ro gây mất an toàn hoạt động, các rủi ro, nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và hệ thống các tổ chức tín dụng;

- Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các rủi ro, vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Hiệu lực thi hành: Thông tư 80/2017/TT-NHNN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2017 và Bãi bỏ Quyết định số 398/1999/QĐ-NHNN3 ngày 09/11/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế giám sát từ xa đối với các tổ chức tín dụng

DIỂM TIN VĂN BẢN NỘI BỘ



Nghị quyết về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nhằm đẩy mạnh công tác thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với những kết quả cụ thể. Ngày 18/8/2017, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-ĐLĐK-HĐTV về việc thông qua chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

I. Theo đó mục tiêu, yêu cầu của chương trình như sau:

1. Tập trung đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) điện năng, các hoạt động thương mại, dịch vụ và tập trung tiếp nhận vận hành hiệu quả các dự án điện Tập đoàn đầu tư, triển khai thực hiện đầu tư và đưa vào vận hành các dự án điện Tập đoàn giao trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

2. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm phát huy tối đa, hiệu quả mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017.

3. Tăng cường ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Tổng Công ty; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị; xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát lãng phí; làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, đánh giá hiệu quả SXKD và đưa ra cảnh báo các rủi ro về các hoạt động SXKD.

5. Thực hiện triệt để tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng, các chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của dịch vụ, tiết kiệm chi phí SXKD; đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý từ 5% trở lên, phấn đấu thực hiện tiết giảm tối đa chi phí tiếp khách, hội nghị, hội thảo, chi phí quảng cáo, công tác nước ngoài, chi phí năng lượng.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13, Nghị định 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và Thông tư 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính tới

toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong đơn vị. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức kinh tế kỹ thuật và tiêu hao nguyên, nhiên liệu, vật liệu; định biên lao động; các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình thực tế và theo các quy định hiện hành.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, phấn đấu tăng năng suất lao động; Tích cực thu hồi công nợ nhằm tăng nhanh vòng quay vốn kinh doanh, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn, giảm tới mức thấp nhất nợ quá hạn, nợ xấu, nợ không có khả năng thu hồi; Sử dụng vốn một cách hiệu quả, trên cơ sở phân tích dòng tiền và nguồn vốn hiện có, tính toán phương án vay vốn phù hợp (nếu cần); Phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt và theo đúng các quy định của Nhà nước; thực hiện nghiêm, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí.

5. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi: tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ kỷ kết, khởi công, khánh thành, phong tặng danh hiệu, tiếp khách... Thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí xăng dầu, điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

6. Tập trung mọi nguồn lực để thúc đẩy hoạt động SXKD, cân đối để vận hành và bảo dưỡng sửa chữa có hiệu quả; Đẩy nhanh thoái vốn tại các công ty cổ phần, liên kết, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, ứ đọng tiền vốn gây lãng phí; Tập trung vào lĩnh vực điện khí, tối ưu hóa trong việc sử dụng các nguồn lực sẵn có, xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư khác trong và ngoài nước để triển khai các dự án của Tổng Công ty; Phấn đấu hoàn thành công tác cổ phần hóa PV Power và việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động sang Công ty cổ phần theo đúng tiến độ.

7. Tối ưu hóa quy trình SXKD, nâng cao hiệu suất vận hành các Nhà máy, nâng cao hiệu quả sửa chữa, tối ưu hóa dự phòng vật tư, phụ tùng tránh tồn đọng vốn. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà máy trong việc sử dụng hiệu quả vật tư dự phòng, tránh tồn

kho, tiết kiệm chi phí.

8. Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; xây dựng các quy định về phòng chống lãng phí trong các khâu đầu tư xây dựng, SXKD.

9. Tăng cường sử dụng hình thức họp trực tuyến trong chỉ đạo điều hành và xử lý các công việc chuyên môn, hạn chế tối đa việc tổ chức họp tập trung để tiết kiệm chi phí tổ chức họp, đi lại, ăn ở của các đại biểu, kết hợp một chuyến công tác xử lý nhiều việc.

10. Thực hành tiết kiệm trong đi công tác nước ngoài, hạn chế tối đa các đoàn đi học tập, khảo sát, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài; không kết hợp khảo sát học tập với giải quyết chính sách và tham quan du lịch.

11. Ngừng việc mua xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống, trừ những trường hợp thực sự cần thiết phục vụ SXKD (có hiệu quả) và phải được Tập đoàn chấp thuận đối với Tổng Công ty, Tổng Công ty chấp thuận đối với các đơn vị trước khi thực hiện.

12. Khi đi công tác trong nước, Tổng Công ty và các đơn vị không mua vé máy bay hạng thương gia cho Chủ tịch/Tổng Giám đốc/Giám đốc và lãnh đạo đơn vị.

13. Tăng cường công tác Thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

14. Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định của pháp luật.

15. Định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Báo cáo cần đánh giá mức độ lãng phí do các dự án/công trình chậm tiến độ, tồn kho vật tư để Tổng Công ty có chỉ đạo kịp thời.

16. Xây dựng tiêu chí bình xét thi đua năm, trong đó tiêu chí thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét. Tổng Công ty sẽ khen thưởng các bộ phận và cá nhân thực hiện tốt nội dung chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, ngược lại phê bình hoặc xử lý kỷ luật các bộ phận và các cá nhân làm không tốt hoặc vi phạm.

17. Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Tổ chức Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp và hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Nữ công, Hội cựu chiến binh thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, kịp thời động viên tuyên truyền, lắng nghe và giải quyết mọi tâm tư thắc mắc của người lao động.

18. Bám sát Chương trình hành động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020, trong đó có nội dung về thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực cụ thể để triển khai thực hiện.

Hội đồng thành viên giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các Ban chức năng/Văn phòng của Tổng Công ty, các Chi nhánh của Tổng Công ty, Người đại diện của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên tổ chức thực hiện; thường kỳ sơ kết và tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo nội dung đã được HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng Công ty.

Quy chế khoa học công nghệ

Ngày 07/9/2017, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quy chế khoa học và công nghệ của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam số 913/QĐ-ĐLĐK-HĐTV

Theo đó, phạm vi điều chỉnh của quy chế gồm:

- Điều chỉnh toàn bộ các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ có sử dụng toàn bộ hay một phần kinh phí từ quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tổng Công ty cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ;

- Các đề tài hợp tác khoa học kỹ thuật với các tổ chức/đơn vị trong, ngoài nước có sử dụng vốn đối ứng lấy từ quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tổng Công ty.

Hiệu lực thi hành: Quy chế gồm 9 chương 22 Điều và 8 phụ lục, có hiệu lực thi hành từ ngày 07/9/2017 và thay thế Quyết định số 518/QĐ-ĐLĐK ngày 28/6/2010.

ÁN LỆ SỐ 02/2016/AL VỀ “TRANH CHẤP ĐÒI LẠI TÀI SẢN”

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 27/2010/DS-GĐT ngày 08/7/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản” tại tỉnh Sóc Trăng giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh với bị đơn là ông Nguyễn Văn Tám; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Yêm.

Khái quát nội dung của án lệ:

Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhờ người ở trong nước đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hộ mình, khi giải quyết tranh chấp thì Tòa án phải xem xét và tính công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất cho người đứng tên hộ; trường hợp không xác định được chính xác công sức của người đó thì cần xác định người thực chất trả tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và người đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hộ có công sức ngang nhau để chia phần giá trị chênh lệch tăng thêm so với tiền gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ban đầu.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Điều 137 và Điều 235 của Bộ luật dân sự năm 2005.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2005, tờ khai ngày 07/02/2005 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh là nguyên đơn trình bày:

Bà Thanh là Việt kiều ở Hà Lan về thăm thân nhân tại Việt Nam và có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên ngày 10/8/1993, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hêng Tính, bà Lý Thị Sà Quênh diện tích 7.595,7m² đất ruộng tại Phường 7, thị xã Sóc Trăng với giá 21,99 chỉ vàng. Bà là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận việc chuyển nhượng và trả tiền, vàng cho vợ chồng ông Hêng Tính. Mục đích của bà Thanh là chuyển nhượng đất để giao cho em ruột của bà là ông Nguyễn Văn Tám và bà Nguyễn Thị Chính Em canh tác nuôi cha mẹ của bà và ông Tám. Do bà là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên bà để cho ông Tám đứng tên trong giấy tờ sang nhượng. Đồng thời, bà Thanh xuất trình “Tờ sang nhượng đất ruộng” lập ngày 10/8/1993 có xác nhận của UBND xã An Hiệp. Sau khi nhận chuyển nhượng bà để cho vợ chồng ông Tám canh tác, nhưng năm 2004, không được bà đồng ý, ông Tám đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 7.595,7m² đất trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Châu với giá trị quyền sử dụng đất là 1.260.000.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu ông Tám trả lại số tiền thu được từ việc chuyển nhượng đất của bà.

Ông Nguyễn Văn Tám là bị đơn trình bày:

Diện tích 7.595,7m² đất mà bà Thành tranh chấp là đất do vợ chồng ông là người bỏ tiền, vàng ra sang nhượng lại của vợ chồng ông Hêng Tính, ông là người đứng tên trong “Tờ sang nhượng đất ruộng” lập ngày 10/8/1993. Tờ sang nhượng này không có xác nhận của chính quyền địa phương. Nhưng sau đó, ông và vợ chồng ông Hêng Tính còn ký bản hợp đồng và đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 11/8/1993, các văn bản này có xác nhận của UBND xã An Hiệp và của UBND huyện Mỹ Tú đồng ý cho chuyển nhượng. Sau khi chuyển nhượng ông đã đăng ký, kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/5/1994. Do đó, năm 2004, ông chuyển nhượng toàn bộ đất trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Châu với giá trị là 1.260.000.000 đồng. Ông cho rằng “Tờ sang nhượng đất ruộng” lập ngày 10/8/1993, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp do bà Thành xuất trình là giả vì theo Bản kết luận giám định số 2784/C21 (P7) ngày 25/10/2005 của Viện Khoa học Hình sự Tổng cục cảnh sát thì không phải chữ ký của ông trong tờ sang nhượng đất ruộng do bà Thành xuất trình. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Thành.

Bà Nguyễn Thị Yêm (vợ của ông Tám) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 1993 vợ chồng bà có chuyển nhượng đất của ông Hêng Tính. Khi làm thủ tục chuyển nhượng bà không tham gia nhưng bà có đưa tiền, vàng cho ông Tám trả cho vợ chồng ông Hêng Tính nên bà cũng không chấp nhận theo yêu cầu của bà Thành.

Vợ chồng ông Hêng Tính, bà Lý Thị Sà Quênh (tên gọi khác là Lý Thị Sà Vênh) là người chuyển nhượng đất đều khẳng định bà Thành trực tiếp thoả thuận chuyển nhượng, trực tiếp trả 21,99 chỉ vàng cho ông, bà và bà Thành để cho ông Tám đứng tên giữ trong tờ sang nhượng đất ruộng lập ngày 10/8/1993; chữ ký trong tờ sang nhượng đất ruộng do bà Thành xuất trình đúng là chữ ký của ông, bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2006/DS-ST ngày 28/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thành về việc đòi lại tiền chuyển nhượng đất.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Tám, bà Nguyễn Thị Yêm phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thành 630.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí giám định và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2006, ông Nguyễn Văn Tám kháng cáo cho rằng bà Thành không phải là người có quyền sử dụng phần đất mà ông đã chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Châu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông thanh toán cho bà Thành 630.000.000 đồng là không đúng.

Ngày 12/5/2006, ông Nguyễn Hữu Phòng (đại diện cho bà Thành) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Tám trả lại toàn bộ số tiền mà ông Tám đã chuyển nhượng đất là 1.260.000.000 đồng cho bà Thành.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 334/2006/DS-PT ngày 25/8/2006, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thành về việc đòi lại tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn Tám, bà Nguyễn Thị Yêm có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thành số tiền 27.047.700 đồng tương đương 21,99 chỉ vàng 24k.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Tám và bà Nguyễn Thị Yêm phải nộp lại số tiền 1.232.266.860 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Tám khiếu nại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 449/2009/KN-DS ngày 21/8/2009, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 334/2006/DS-PT

ngày 25/8/2006 của Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm

số 04/2006/DS-ST ngày 28/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật, với nhận định:

“Bà Nguyễn Thị Thành khởi kiện đòi lại tài sản đối với ông Nguyễn Văn Tám và cho rằng do bà là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên bà có nhờ ông Tám (em của bà) đứng tên nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Hêng Tính giùm cho bà nhưng sau đó ông Tám đã chuyển nhượng đất của bà cho người khác.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông Tám chỉ đứng tên nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Hêng Tính giùm cho bà Thành là có căn cứ.

Do bà Thành là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nên bà Thành không được giao đất mà chỉ được trả lại phần giá trị đầu tư tiền chuyển nhượng đất.

Đối với chênh lệch giá trị đất, thời điểm xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm là thời điểm thi hành Bộ luật dân sự năm 2005, không có quy định buộc phải tịch thu sung công quỹ nên khoản chênh lệch này bà Thành và ông Tám cùng được hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông Tám nộp số tiền chênh lệch giá trị đất để sung công là có căn cứ nhưng không buộc ông Tám trả cho bà Thành giá trị đầu tư ban đầu là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ra được căn cứ pháp luật nhưng đã buộc ông Tám nộp toàn bộ số tiền chênh lệch (1.232.226.860 đồng) để sung công quỹ Nhà nước là không đúng quy định của pháp luật”.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2006/DS-ST ngày 28/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhận định:

Bà Nguyễn Thị Thành khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tám trả lại cho bà 1.260.000.000 đồng vì cho rằng bà là người trực tiếp giao dịch, trả tiền nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hông Tính 7.595,7m² đất, nhưng vì bà là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên nhờ ông Tám (em của bà) đứng tên, nhưng không được bà đồng ý ông Tám đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho Công ty TNHH Minh Châu để nhận 1.260.000.000 đồng.

Ông Tám cho rằng ông là người thoả thuận chuyển nhượng đất và trả tiền cho ông Hông Tính, nên giấy tờ chuyển nhượng đất ông đứng tên. Sau khi nhận chuyển nhượng ông trực tiếp quản lý sử dụng, đăng ký kê khai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi ông chuyển nhượng cho Công ty TNHH Minh Châu được chính quyền cho phép, nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà Thành.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Tám có nhiều lời khai mâu thuẫn về số tiền, vàng đã trả cho ông Hông Tính và ông cũng không chứng minh được nguồn gốc nguồn tiền vàng mà ông cho rằng đã trả cho ông Tính.

Trong khi đó vợ chồng ông Tính, bà Quênh khẳng định chỉ thoả thuận chuyển nhượng đất và nhận vàng của bà Thành còn việc viết giấy chuyển nhượng đất đứng tên ông Tám là theo yêu cầu của bà Thành, vì bà Thành đang định cư ở nước ngoài.

Theo lời khai của cụ Thái Thị Ba, ông Nguyễn Phước Hoàng, bà Nguyễn Thị Chính Em (là mẹ và anh chị em ruột của bà Thành, ông Tám) thì bà Thành giao dịch, trả tiền chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Tính, còn ông Tám chỉ là người đứng tên giữ.

Tổng hợp các chứng cứ nêu trên có cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định bà Thành là người bỏ toàn bộ số tiền là 21,99 chỉ vàng để nhận chuyển nhượng diện tích trên, còn ông Tám chỉ là người đứng tên giữ. Do ông Tám đã chuyển nhượng đất trên cho Công ty TNHH Minh Châu và bà Thành chỉ yêu cầu ông Tám trả lại số tiền đã chuyển nhượng là 1.260.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tuy bà Thành là người bỏ 21,99 chỉ vàng để chuyển nhượng đất (tương đương khoảng 27.047.700 đồng). Nhưng giấy tờ chuyển nhượng đứng tên ông Tám và sau khi nhận chuyển nhượng ông Tám quản lý đất, sau đó chuyển nhượng cho người khác. Như vậy, lẽ ra phải xác định ông Tám có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất nên phải xác định số tiền trên (sau khi trừ tiền gốc tương đương 21,99 chỉ vàng của bà Thành) là lợi nhuận chung của bà Thành và ông Tám. Đồng thời xác định công sức của ông Tám để chia cho ông Tám một phần tương ứng với công sức của ông mới đúng và đảm bảo quyền lợi của các đương sự (Trường hợp không xác định được chính xác công sức của ông Tám thì phải xác định bà Thành, ông Tám có công sức ngang nhau để chia).

Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà Thành, ông Tám mỗi người có quyền sở hữu 1/2 số tiền trên nhưng không trích trả cho bà Thành số tiền tương ứng với 21,99 chỉ vàng là không đúng.

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ công nhận bà Thành có quyền sở hữu số tiền tương ứng với 21,99 chỉ vàng, còn lợi nhuận là số tiền còn lại tịch thu sung công quỹ nhà nước là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, không đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Ngoài ra, bà Thành khởi kiện yêu cầu ông Tám trả cho bà 1.260.000.000 đồng là số tiền ông Tám chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng 7.595,7m² đất, mà không tranh chấp quyền sử dụng đất, còn ông Tám cho rằng số tiền trên là của ông. Như vậy, các đương sự tranh chấp quyền sở hữu tài sản là số tiền nêu trên. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là không chính xác.

Bởi các lẽ trên, căn cứ khoản 3 Điều 297 và Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 334/2006/DSPT ngày 25/8/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2006/DS-ST ngày 28/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về vụ án tranh chấp đòi lại tài sản giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thành với bị đơn là ông Nguyễn Văn Tám; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Yêm

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“Tuy bà Thành là người bỏ 21,99 chỉ vàng để chuyển nhượng đất (tương đương khoảng 27.047.700 đồng). Nhưng giấy tờ chuyển nhượng đứng tên ông Tám và sau khi nhận chuyển nhượng ông Tám quản lý đất, sau đó chuyển nhượng cho người khác. Như vậy, lẽ ra phải xác định ông Tám có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất nên phải xác định số tiền trên (sau khi trừ tiền gốc tương đương 21,99 chỉ vàng của bà Thành) là lợi nhuận chung của bà Thành và ông Tám. Đồng thời xác định công sức của ông Tám để chia cho ông Tám một phần tương ứng với công sức của ông mới đúng và đảm bảo quyền lợi của các đương sự (Trường hợp không xác định được chính xác công sức của ông Tám thì phải xác định bà Thành, ông Tám có công sức ngang nhau để chia).”